

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 22-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Lê Thị Kim Nga
ông Huỳnh Hữu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2025/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2025/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1992; địa chỉ hiện nay: Số B Ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số B Ấp F, xã H, huyện C, tỉnh Long An).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Văn L- Luật sư của Chi nhánh Công ty L2 tại thành phố T.

- *Bị đơn:* ông Lê Kim Q, sinh năm 1984; địa chỉ hiện nay: Số B Ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số B Ấp F, xã H, huyện C, tỉnh Long An).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hồng P.

(Các đương sự và Luật sư Lê Văn L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2025, đơn khởi kiện bổ sung đề nghị ngày 19/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà và ông Lê Kim Q tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 22/02/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã cố gắng trao đổi để giải quyết, hàn gắn tình cảm, nhưng không đạt kết quả. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Kim Q.

Bà và ông Q có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 14/9/2019, đang sống với bà và ông Q bên gia đình ông Q. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Khi ly hôn và được quyền nuôi con thì bà sẽ đem con về sống bên gia đình cha mẹ ruột của bà tại xã A, huyện C, tỉnh Long An.

Bà và ông Q không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bị đơn, ông Lê Kim Q trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà P và muốn cho con chung có cha lẫn mẹ. Trường hợp bà P kiên quyết ly hôn thì do Tòa án quyết định.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 14/9/2019, vì từ nhỏ con chung sinh sống với vợ chồng ông tại gia đình ông. Trong thời gian bà P học tại Cần Thơ thì con chung do ông và mẹ ruột trực tiếp chăm sóc.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2025/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với ông Lê Kim Q.

Về con chung: ông Lê Kim Q được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 14/9/2019.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con, bên trực tiếp nuôi con, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Lê Nguyễn Hoàng L1 và buộc ông Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Luật sư Lê Văn L trình bày: Ủy ban nhân dân xã A đã xác nhận bà P có công việc, thu nhập ổn định; vị trí địa lý nơi sinh sống sau khi bà P ly hôn với ông Q sẽ thuận lợi hơn trong việc đưa đón, chăm sóc, nuôi con. Mặc dù hiện nay bà P được tặng cho quyền sử dụng đất là đất lúa, nhưng bà đang làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng thành đất ở để cất nhà riêng. Bà P đã trình bày tại cấp phúc thẩm là vẫn tiếp tục cho con theo học tại xã T (thị trấn T cũ), nên sẽ không thay đổi môi trường học tập của con. Cha mẹ của bà P hiện nay vẫn còn khỏe mạnh, sẽ hỗ trợ bà P chăm nom con trong những ngày bà P phải trực đêm tại bệnh viện. Trong thời gian chờ Tòa án xét xử phúc thẩm, mặc dù cả hai vẫn còn sống chung nhà, nhưng ông Q đã có hành vi cản trở bà P thực hiện quyền chăm sóc, giáo dục con chung, điều này sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của con chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận cho bà P được quyền trực tiếp nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: từ khi con chung được sinh ra đến nay, bà là người đã đồng hành cùng con, nên đề nghị Tòa án chấp nhận giao con chung cho bà nuôi sau khi ly hôn.

Ông Lê Kim Q trình bày: ông hoàn toàn không có hành vi ngăn cản bà P thực hiện quyền chăm sóc, giáo dục con, vì từ sau khi Tòa án xét xử cho bà P được ly hôn với ông thì bà P vẫn còn đang sống chung với ông tại nhà mẹ ruột của ông. Từ khi con được sinh ra cho đến trước 02 tháng khi bà P nộp đơn ly hôn với ông, thì con chung chủ yếu do ông và bà nội của cháu trực tiếp chăm sóc. Đến khi bà P có ý định ly hôn thì bà P mới có hành vi trực tiếp chăm sóc, đưa đón con đi học, ngủ cùng con. Ông không đồng ý giao con cho bà P nuôi sau khi ly hôn, vì như vậy sẽ xáo trộn môi trường sinh sống của cháu.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng P đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: bà P và ông Q đều có việc làm, có thu nhập ổn định. Cháu L1 từ khi sinh ra đến nay vẫn sống cùng ông Q và bà P tại nhà mẹ ruột của ông Q. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển bình thường, ổn định về môi trường sống, sinh hoạt, học tập của con chung, nên giao cháu L1 cho ông Q trực tiếp nuôi sau khi ly hôn với bà P. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng P thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Hồng P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” là có căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Hồng P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nuôi con. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo.

[4] Về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: bà P và ông Q có 01 người con chung tên là Lê Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 14/9/2019. Từ khi con chung sinh ra đến nay, sống cùng bà P và ông Q tại nhà mẹ ruột của ông Q (các bút lục số 16, 19, 50).

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng P về nuôi con:

[5] Về điều kiện kinh tế của hai đương sự: bà P và ông Q đều có nghề nghiệp là bác sĩ, hiện đang công tác và hưởng lương từ Ngân sách nhà nước, nghĩa là, cả hai đương sự đều có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con.

[6] Về điều kiện trông nom, chăm sóc con chung: cháu Lê Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 14/9/2019. Bà P thừa nhận rằng, từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 6 năm 2024, bà đi học tập trung tại Trường đại học ở Cần Thơ. Trong khoảng thời gian đó, ông Q và bà nội của cháu L1 là người chủ yếu chăm nom. Như vậy, từ lúc cháu L1 được 12 tháng tuổi, thì ông Q là người trực tiếp chăm sóc con và cháu L1 phát triển bình thường. Hiện nay, bà P xác định rằng cháu L1 vẫn đang sinh sống cùng bà P và ông Q tại nhà bà nội của cháu. Nếu giao con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thay đổi hoàn toàn môi trường sinh sống của cháu. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn đúng quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà P về quyền trực tiếp nuôi con.

[7] Do không chấp nhận kháng cáo của bà P về quyền được trực tiếp nuôi con, nên không xem xét kháng cáo của bà P về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Q.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng P. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2025/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An về nuôi con chung.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010857 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Châu Thành, tỉnh Long An. Bà P đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 5;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục